

QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA GIẢNG VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRƯỚC BỐI CẢNH ĐỔI MỚI CĂN BẢN, TOÀN DIỆN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

PGS. TS. THÁI VĂN THÀNH - TS. NGUYỄN NHƯ AN*

Trong xu thế toàn cầu hóa, nền kinh tế tri thức và xã hội công nghệ thông tin, phát triển giáo dục đại học (ĐH) là bước rất quan trọng để phát triển nguồn nhân lực có chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Một trong những giải pháp phát triển giáo dục ĐH là tăng cường hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ (NCKH&CGCN). Bài viết này đề xuất một số giải pháp quản lý (QL) hoạt động NCKH&CGCN của giảng viên (GV) phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục.

1. Xác định đầy đủ nội dung hoạt động NCKH&CGCN của GV

NCKH&CGCN là một trong hai nhiệm vụ trọng tâm của GV. NCKH là một dạng hoạt động lao động đặc biệt của xã hội loài người. Bản chất của NCKH là tạo ra giá trị mới cho xã hội. Chính vì vậy, hoạt động NCKH của GV có nội dung rất phong phú và đa dạng. Trường ĐH là một trung tâm văn hoá, khoa học và để phát huy vai trò nòng cốt của đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước, hội nhập quốc tế, hoạt động NCKH của GV không chỉ giới hạn ở nội dung nghiên cứu (NC) các đề tài, dự án về khoa học cơ bản và khoa học giáo dục mà còn phải chú trọng đến lĩnh vực KH-CN, ứng dụng và triển khai.

Ở từng nội dung hoạt động NCKH&CGCN của GV có những yêu cầu cụ thể, dưới dạng những thao tác, hành động NC nhất định. Chẳng hạn, trong lĩnh vực khoa học giáo dục, khi tiến hành một đề tài NC, GV cần thực hiện hệ thống thao tác, hành động sau đây: - Xác định đề tài NC; - Xây dựng đề cương NC; - Tiến hành NC; - Hoàn thiện công trình NC.

Nội dung hoạt động NCKH&CGCN bao gồm: - NCKH cơ bản, khoa học xã hội và nhân văn, khoa học giáo dục, khoa học công nghệ để tạo ra tri thức và sản phẩm mới; - Ứng dụng các kết quả NC, CGCN

vào thực tiễn sản xuất và đời sống; - Xây dựng các phòng thí nghiệm, các cơ sở NC phục vụ đào tạo (ĐT) và NCKH, các vườn ươm công nghệ, gắn phát triển công nghệ với tạo sản phẩm mới; - Tham gia tuyển chọn, tư vấn, phản biện, thực hiện các nhiệm vụ, hợp đồng KH-CN, các nhiệm vụ theo đơn đặt hàng; - Trưởng bộ môn cần tổ chức, QL GV thực hiện tốt nội dung NCKH&CGCN phù hợp với năng lực, nhiệm vụ của ngành, lĩnh vực NC của bộ môn.

2. Xây dựng quy chế QL hoạt động NCKH&CGCN của GV

Để nâng cao chất lượng ĐT, NCKH trong xu thế đổi mới giáo dục ĐH, hội nhập quốc tế, từng bước đẩy mạnh hoạt động NCKH, CGCN, gắn hoạt động KH-CN trong nhà trường với thực tiễn đời sống, đóng góp thiết thực và có hiệu quả cho sự phát triển KT-XH của địa phương, bộ môn cần thực hiện đúng quy chế QL hoạt động NCKH&CGCN, với các nội dung:

- *Đăng kí xét duyệt đề tài:* tiêu chuẩn chủ nhiệm đề tài: cấp Khoa, Trường, Bộ, Nhà nước; nhiệm vụ của chủ nhiệm đề tài; quyền hạn của chủ nhiệm đề tài; yêu cầu đối với đề tài; thủ tục đăng kí đề tài; thủ tục xét duyệt đề tài.

- *Tổ chức thực hiện và QL tiến độ thực hiện đề tài:* hợp đồng triển khai thực hiện đề tài; QL tiến độ thực hiện đề tài; chế độ báo cáo của chủ nhiệm đề tài.

- *Nghiệm thu đề tài:* Xây dựng các tiêu chí đánh giá đề tài cấp Khoa, Trường, Bộ, Nhà nước với các loại: hoàn thành, khá, tốt. Các tiêu chí phải rõ ràng và lượng hoá thành điểm số. Theo chúng tôi, có thể dựa vào các tiêu chí: + Mức độ đáp ứng mục tiêu, nội dung, sản phẩm trung gian, sản phẩm cuối cùng, thời gian và các yêu cầu khác so với bản đăng kí và thuyết minh thực hiện đề tài; + Ý nghĩa khoa học, tính sáng tạo trong NC đề tài, tính mới của sản phẩm; + Khả

* Trường Đại học Vinh

năng ứng dụng và phát triển đề tài, khả năng phục vụ ĐT, sản xuất; + Số lượng và chất lượng các công trình được công bố; + Mức độ thực hiện các quy định về QL tài chính...

- *Xây dựng định mức NCKH* đối với GV: quy ra giờ chuẩn tính điểm các hoạt động NCKH&CGCN của GV.

3. Tổ chức đánh giá, xếp loại hoạt động NCKH&CGCN của GV

Nhìn chung, việc đánh giá, xếp loại hoạt động NCKH của GV, từ trước đến nay tuy được các trường quan tâm đúng mức, song hiệu quả của việc làm này còn hạn chế, nhất là khâu xử lý sau đánh giá, xếp loại. Từ thực tế đó, chúng tôi đề xuất một quy trình tổng quát để đánh giá, xếp loại hoạt động NCKH của GV, gồm 3 giai đoạn, mỗi giai đoạn lại có một số bước nhất định.

- *Giai đoạn 1:* Chuẩn bị đánh giá, xếp loại hoạt động NCKH của GV. Giai đoạn này có các bước sau đây: - *Bước 1. Xác định mục đích đánh giá, xếp loại hoạt động NCKH của GV* nhằm xác định trình độ, kỹ năng NC, kỹ năng chuyển tải kết quả NC thành các sản phẩm, bài báo khoa học... của từng GV; trên cơ sở đó để giao nhiệm vụ NC cho phù hợp, đồng thời GV có kế hoạch tự bồi dưỡng và bồi dưỡng để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ hoạt động NCKH; - *Bước 2. Xây dựng căn cứ đánh giá, xếp loại* phản ánh đầy đủ những lĩnh vực hoạt động NCKH của GV. Từng trường phải quy định nhiệm vụ NCKH của GV và xây dựng thang đánh giá định lượng theo điểm cho các tiêu chí. Khi xây dựng thang đánh giá nên tổ chức thảo luận dân chủ, công khai để thống nhất thang đánh giá qua các bước: Tự đánh giá, Hội đồng khoa học Khoa đánh giá và Hội đồng khoa học Trường đánh giá; - *Bước 3. Lựa chọn cách thức đánh giá*; phối hợp giữa tự đánh giá của GV với đánh giá của các hội đồng khoa học.

- *Giai đoạn 2:* Tổ chức đánh giá, xếp loại hoạt động NCKH của GV. Giai đoạn này có các bước sau đây: - *Bước 1. GV tự đánh giá.* Để việc tự đánh giá có hiệu quả, GV cần nắm vững mục đích, yêu cầu, các căn cứ, tiêu chí đánh giá. Trên cơ sở đó, đối chiếu với năng lực cá nhân, GV tự xếp loại hoạt động NCKH cho mình. Ở bước này, nếu được thực hiện nghiêm túc sẽ là một dịp tốt để mỗi GV tự soát xét lại năng lực NCKH&CGCN của bản thân; - *Bước 2. Hội đồng khoa học Khoa đánh giá.* Căn cứ vào tự đánh giá của GV và kết quả thực hiện các nhiệm vụ NCKH... Hội

đồng khoa học Khoa tiến hành đánh giá, xếp loại hoạt động NCKH cho từng thành viên của mình. Kết quả đánh giá, xếp loại của Hội đồng khoa học Khoa có ý nghĩa rất quan trọng, vì khoa là nơi QL trực tiếp mọi hoạt động của GV; - *Bước 3. Hội đồng khoa học Trường đánh giá.* Hội đồng khoa học Trường dưới sự chủ trì của hiệu trưởng, sau khi xem xét một cách toàn diện kết quả thực hiện nhiệm vụ NCKH của từng GV và của từng Hội đồng khoa học Khoa sẽ quyết định việc đánh giá xếp loại.

- *Giai đoạn 3:* Xử lý sau đánh giá, xếp loại. Giai đoạn này có các bước sau đây: - *Bước 1. Thông báo kết quả đánh giá, xếp loại* hoạt động NCKH của GV. Sau khi có kết quả đánh giá, xếp loại chính thức, nhà trường cần thông báo ngay cho GV; - *Bước 2. Đề ra yêu cầu đối với GV* ở các loại trình độ hoạt động NCKH. Tùy theo loại trình độ NC của GV mà đề ra các yêu cầu khác nhau: đối với số GV được xếp loại Tốt, cần tiếp tục bồi dưỡng để đưa vào mạng lưới NC, giao chủ trì các dự án, đề tài trọng điểm; đối với số GV xếp loại Khá, cần có kế hoạch bồi dưỡng định kì, tạo điều kiện cho họ được chủ trì các đề tài NCKH; đối với số GV xếp loại Trung bình, cần tạo điều kiện cho họ tham gia NC các đề tài với GV khác, phân công NC phù hợp, tăng cường nâng cao năng lực NCKH cho họ; - *Bước 3. Tổ chức bồi dưỡng* nâng cao trình độ hoạt động NCKH&CGCN cho GV. Việc này có thể được tiến hành theo kế hoạch của ngành, cũng có thể theo tình hình thực tế của từng trường...

4. Đổi mới công tác QL hoạt động NCKH &CGCN trong trường ĐH

Mục tiêu của đổi mới công tác QL hoạt động NCKH&CGCN nhằm: - Nâng cao hiệu quả hoạt động NCKH&CGCN trong trường ĐH; - Nâng cao chất lượng GD-ĐT đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực KH-CN trình độ cao của đất nước, kết hợp thực hiện các nhiệm vụ KH-CN với nhiệm vụ ĐT, đặc biệt là ĐT trình độ thạc sĩ, tiến sĩ; - Đưa nhanh các thành tựu KH-CN, các tiến bộ kỹ thuật phục vụ việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển sự nghiệp GD-ĐT và các nhiệm vụ phát triển KT-XH, an ninh, quốc phòng; - Nâng cao trình độ và năng lực của GV, cán bộ hoạt động KH-CN trong trường ĐH; - Góp phần phát hiện và bồi dưỡng nhân tài, phát triển tiềm lực KH-CN của đất nước, thúc đẩy hội nhập với nền KH-CN tiên tiến, hiện đại của khu vực và thế giới.

Để thực hiện mục tiêu trên, các trường ĐH cần tổ chức hoạt động NCKH&CGCN theo các nội dung:

- NC cơ bản, NC ứng dụng, NC triển khai trong lĩnh vực khoa học giáo dục và các lĩnh vực KH-CN khác;
- Ứng dụng các thành tựu khoa học và chuyển giao kỹ thuật tiến bộ vào sản xuất và đời sống; - Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm KH-CN, dịch vụ KH-CN (tư vấn, thẩm định, thông tin, ĐT, bồi dưỡng, v.v...); - Đẩy mạnh quan hệ hợp tác quốc tế trong NCKH&CGCN. Nội dung đổi mới công tác QL hoạt động NCKH &CGCN bao gồm:

1) Xây dựng kế hoạch hoạt động NCKH &CGCN ở trường ĐH một cách cụ thể, khả thi. Kế hoạch NCKH&CGCN của trường ĐH được xây dựng theo kế hoạch 5 năm và hàng năm trên cơ sở định hướng, mục tiêu phát triển KH-CN của nhà nước, bộ, ngành, tỉnh, thành phố và của trường ĐH.

Kế hoạch NCKH&CGCN của trường ĐH bao gồm: nhiệm vụ cấp nhà nước, cấp bộ, ngành, tỉnh, thành phố, cấp cơ sở và nhiệm vụ NC triển khai theo hợp đồng với các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài trường.

Nội dung kế hoạch KH-CN 5 năm và hàng năm bao gồm: - Nhiệm vụ NCKH và phát triển công nghệ các cấp; - Kỹ thuật tiến bộ và CGCN; - Đầu tư xây dựng cơ bản cho các tổ chức KH-CN; - Đầu tư tăng cường năng lực NCKH&CGCN; - Hợp tác quốc tế về KH-CN; - ĐT và phát triển đội ngũ cán bộ KH-CN; - Thông tin KH-CN; - Sở hữu công nghiệp, tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng sản phẩm; - Kỹ thuật an toàn, bảo hộ lao động; - NCKH của sinh viên; - Kế hoạch tài chính cho hoạt động KH-CN; - NC về công nghệ thông tin và môi trường; - QL KH-CN và các nhiệm vụ KH-CN khác...

2) Tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH-CN một cách bài bản. Các trường ĐH có trách nhiệm tổ chức triển khai, tạo điều kiện để các tập thể, cá nhân thực hiện nhiệm vụ NCKH được giao theo quy định hiện hành về QL hoạt động NCKH; tổ chức và tạo điều kiện thuận lợi cho các tập thể, cá nhân ứng dụng và chuyển giao kết quả NC, các thành tựu KH-CN trong và ngoài nước vào sản xuất, đời sống, phát triển KT-XH; thực hiện dịch vụ KH-CN; tổ chức sản xuất kinh doanh phù hợp với ngành nghề ĐT.

3) Đầu tư năng lực NCKH&CGCN. Trường ĐH chủ động xây dựng kế hoạch đầu tư tăng cường các trang thiết bị khoa học mới, hiện đại và duy trì, nâng cấp cho phòng thí nghiệm trọng điểm và phòng thí nghiệm chuyên đề bằng các nguồn vốn khác nhau; có kế hoạch duy trì và khai thác hiệu quả các phòng thí

nghiệm đã được đầu tư phục vụ cho ĐT, NCKH &CGCN. Mặt khác, trường ĐH có nhiệm vụ duy trì, cải tạo, sửa chữa các công trình kiến trúc và cơ sở hạ tầng của các tổ chức NC và phát triển bằng các nguồn vốn khác nhau.

4) Tăng cường hợp tác quốc tế về NCKH &CGCN. Trường ĐH cần chủ động xây dựng và thực hiện kế hoạch hợp tác quốc tế về NCKH và công nghệ bao gồm: - Hợp tác theo Nghị định thư; - Hợp tác thực hiện cam kết của Chính phủ Việt Nam với chính phủ các nước và các tổ chức quốc tế; - Hợp tác song phương trường ĐH, với các viện NC, doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân là người nước ngoài và người Việt Nam cư trú và định cư ở nước ngoài theo quy định của pháp luật.

Hình thức hợp tác bao gồm: - Thực hiện các nhiệm vụ NCKH&CGCN; - ĐT, bồi dưỡng và trao đổi cán bộ khoa học; - Tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế, trao đổi thông tin và kinh nghiệm QL về KH-CN; - Thành lập cơ sở NC, phòng thí nghiệm chuyên ngành; - Tham gia triển lãm, giải thưởng KH-CN trong nước và quốc tế theo quy định chung; - Tạo môi trường thuận lợi để khuyến khích sự hợp tác giữa các cơ quan, đơn vị và cá nhân trong trường ĐH với các đối tác nước ngoài.

5) ĐT, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ cán bộ NCKH. Nhân lực thực hiện các nhiệm vụ NCKH bao gồm: GV, cán bộ NC, cán bộ QL, nhân viên phục vụ, cán bộ và nhân viên làm việc theo chế độ hợp đồng; NC sinh, học viên cao học, sinh viên; cán bộ làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, cộng tác viên từ các viện NC, các tổ chức KH-CN trong và ngoài nước. Trong đó, đội ngũ GV là lực lượng nòng cốt. Để phát triển và phát huy hiệu quả hoạt động đội ngũ này, tổ bộ môn cần có kế hoạch, lộ trình đúng đắn, phù hợp để đưa đội ngũ GV tiếp cận hoạt động NCKH&CGCN đúng hướng, phù hợp với chuyên môn. Trường ĐH cần tiến hành xây dựng và thực hiện kế hoạch ĐT, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ KH-CN của trường theo kế hoạch dài hạn, 5 năm và hàng năm thông qua hình thức ĐT, bồi dưỡng ở trong nước và nước ngoài.

6) Đảm bảo công tác thông tin NCKH &CGCN, bao gồm: - Định kì tổ chức hội nghị khoa học; tổ chức hội thảo khoa học theo chuyên đề; thông báo những kết quả NC mới nhất; - Tổ chức xuất bản tạp chí khoa học, tuyển tập công trình khoa học; - Lưu trữ các báo cáo kết quả đề tài, dự án, các ấn phẩm KH-CN đã xuất bản và cung cấp thông tin về các kết quả

NC; - Tham gia, tổ chức hội chợ, triển lãm KH-CN;
- Tổ chức QL và sử dụng dịch vụ thông tin KH-CN trên Internet...

7) Đảm bảo nguồn tài chính cho hoạt động NCKH&CGCN. Hàng năm, trường ĐH cần xây dựng kế hoạch tài chính cho hoạt động NCKH & CGCN. Nguồn tài chính này gồm: - Vốn cấp từ ngân sách nhà nước cho nhiệm vụ NCKH được giao; - Vốn tài trợ, vốn vay từ quỹ phát triển KH-CN các cấp (quốc gia, bộ, ngành, tỉnh, thành phố); - Vốn vay ngân hàng, vốn vay của tập thể và cá nhân; - Vốn thực hiện hợp đồng NCKH và phát triển NCKH & CGCN, sản xuất kinh doanh với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; - Vốn trích từ nguồn thu hợp pháp của trường ĐH; - Vốn viện trợ của các tổ chức và tài trợ của cá nhân trong và ngoài nước; - Các nguồn vốn hợp pháp khác...

8) Làm tốt công tác đánh giá nghiệm thu, công nhận, đăng kí và thông báo kết quả thực hiện nhiệm vụ NCKH&CGCN:

- *Đánh giá nghiệm thu* kết quả thực hiện nhiệm vụ NCKH&CGCN phải căn cứ vào nội dung của bản thuyết minh đề tài, dự án; hợp đồng KH-CN giữa trường ĐH với các tổ chức, cá nhân được tổ chức nghiệm thu theo thoả thuận của các bên quy định cụ thể ghi trong hợp đồng. Trên cơ sở kết luận của Hội đồng đánh giá nghiệm thu, cơ quan giao nhiệm vụ ra quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ KH-CN.

Chương trình, đề tài, dự án, các nhiệm vụ KH-CN đã được đánh giá nghiệm thu phải đăng kí kết quả NC theo quy định của Nhà nước; nộp báo cáo kết quả NC vào thư viện của trường, thông báo trên các phương tiện thông tin và lưu hồ sơ theo quy định. Ngoài các yêu cầu trên, việc công bố, xuất bản kết quả của các đề tài, nhiệm vụ khoa học xã hội được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 201/2004/NĐ-CP ngày 10/12/2004 của Chính phủ về ban hành Quy chế QL hoạt động khoa học xã hội và nhân văn.

- *Tổ chức giới thiệu các thành tựu khoa học và tiến bộ kĩ thuật* với các cơ sở sản xuất: trường ĐH cần tổ chức giới thiệu các thành tựu NCKH với các cơ sở sản xuất để đưa các thành tựu NC đến với cuộc sống, phục vụ phát triển KT-XH, đồng thời tạo nguồn thu cho hoạt động NCKH. Các mối quan hệ giữa nhà sản xuất và nhà khoa học cần được nhà trường quan tâm xây dựng phát triển; QL hoạt động

của các tổ chức NC và phát triển, các doanh nghiệp và các tổ chức dịch vụ KH-CN trong trường ĐH.

5. QL hoạt động NCKH&CGCN có vai trò to lớn và hết sức quan trọng trong việc đảm bảo chất lượng giáo dục ĐH, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Trung ương 8 (Khóa XI) về đổi mới căn bản, toàn diện GD-ĐT. Để thực hiện tốt chức năng QL hoạt động NCKH&CGCN của GV trường ĐH trước bối cảnh đổi mới giáo dục, các trường ĐH cần: xác định đầy đủ nội dung hoạt động NCKH&CGCN của GV; xây dựng quy chế QL hoạt động NCKH&CGCN của GV; tổ chức đánh giá, xếp loại hoạt động NCKH&CGCN của GV; đổi mới công tác QL hoạt động NCKH công nghệ trong trường ĐH phù hợp với yêu cầu mới. □

Tài liệu tham khảo

1. Ban Bí thư Trung ương Đảng. *Chi thị 40-CT/TW ngày 15/6/2004 của Ban Bí thư về việc Xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lí giáo dục.*
2. Ban Cán sự Đảng Bộ GD-ĐT. Nghị quyết số 05-NQ/BCSD ngày 06/01/2010 của Ban Cán sự Đảng Bộ GD-ĐT về Đổi mới quản lí giáo dục đại học giai đoạn 2006-2020.
3. Bộ GD-ĐT. Đề án Đổi mới giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006-2020, Hà Nội, 11/2005.
4. **Luật Giáo dục đại học.** Luật số 08/2012/QH13.
5. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI. Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013, về Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục - đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.
6. Trần Khánh Đức. **Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong thế kỉ XXI.** NXB Giáo dục Việt Nam, H. 2010.
7. Đặng Hữu. **Phát triển kinh tế tri thức rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.** NXB Chính trị quốc gia, H. 2001.

SUMMARY

In this article, we present some management contents of university lecturers' scientific research activity. The proposed management contents include: To define the contents of lecturers' scientific research and technological transfer activities; To build management regulation on lecturers' scientific research and technological transfer activities; To evaluate and classify lecturers' scientific research and technological transfer activities; To reform the management of scientific research and technological transfer activities in universities.